

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **62/2019/HS-ST**
Ngày 25 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Ông Nguyễn Mạnh Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Văn D – SN: 1980 tại Nam Định

Nơi ĐKKHKT: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo thiên chúa; Con ông: Trần Văn C - Đã chết; Con bà: Lã Thị T - Đã chết; Có vợ là Phạm Thị H; Có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án , tiền sự: Không

Hiện bị can đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” – Có mặt.

Bị hại : ông Phạm Quý C – SN: 1930 (đã chết)

Đại diện theo pháp luật và theo ủy quyền: ông Phạm Văn T – Sinh năm: 1964

Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

Người làm chứng: anh Phạm Văn T – Sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm 14, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 28 tháng 6 năm 2019 Trần Văn D (có giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển xe Mô tô BKS:18R1-7746 đi từ chỗ làm đến Trung tâm y tế huyện Hải Hậu ở Thị trấn Yên Định để đón anh Phạm Văn T SN: 1980 (là anh vợ D nằm viện) về nhà. Sau khi đón anh T, D điều khiển xe chở anh T theo Quốc lộ 37 và rẽ vào Quốc lộ 21 để về xã H. Lúc này D đi với tốc độ khoảng 35 - 40 km/h trên làn đường bên phải theo hướng đi của mình và cách vạch sơn giữa đường khoảng 1 đến 1,5m. D vừa điều khiển xe vừa ngoái mặt lại phía sau bên phải nói chuyện với anh T. Khi đến Km 130+674,8 thuộc xóm 1 xã Trực Thái thì gặp ông Phạm Quý C đang đi bộ từ làn đường dành cho xe cơ giới bên trái hướng đi của D sang làn đường bên phải trước đầu xe mô tô của D. Đồng thời cùng lúc đó có 01 xe mô tô đi ngược chiều cách xe D khoảng 20 – 30m bật đèn pha làm D chói mắt không quan sát thấy ông C đang sang đường. D vẫn ngoái lại nói chuyện với anh T và không giảm tốc độ. Anh T ngồi sau phát hiện thấy ông C đang đi bộ trước đầu xe D liền hô lên để báo hiệu cho D biết và nhìn về phía trước. Khi D quay mặt nhìn về phía trước thì khoảng cách giữa đầu xe của D và ông C chỉ còn khoảng từ 1 đến 2m. D không phanh xe mà điều khiển xe xiên về bên phải hướng đi để tránh ông C. Do khoảng cách quá gần nên phần đầu xe và cánh yếm bên trái xe mô tô của D đã xô vào người ông C đẩy ông C văng về phía trước và ngã ra đường. Xe D điều khiển loạng choạng rồi đổ ra đường. Ông C bị thương được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế Hải Hậu sau đó Trung tâm y tế Hải Hậu trả về nhà đến ngày 30/6/2019 thì chết. D và anh T bị ngã xây xước nhẹ.

Bản giám định pháp y tử thi số 663/GĐKTHS ngày 3/7/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Nạn nhân Phạm Quý C chết do chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Cáo trạng số 62/CT-VKS-KSĐT ngày 13 tháng 11 năm 2019 của VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Trần Văn D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS.

Đại diện VKSND huyện Trực Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65. Điều 38 LBHS, xử phạt Trần Văn D từ 12 – 15 tháng tù nhưng cho hưởng treo thử thách từ 24 - 30 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm được đoàn tụ cùng gia đình, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Người đại diện của bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án. Người đại diện của bị hại xác nhận việc bị cáo đã tự nguyện bồi thường 90.000.000đ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, về hình phạt đề nghị HĐXX xem xét miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ đã xâm phạm tới quy định về an toàn giao thông đường bộ - Là khách thể được BLHS ghi nhận và bảo vệ.

Cụ thể: Bị cáo đã vi phạm vi phạm, khoản 1 điều 12 luật giao thông đường bộ. Cụ thể là vi phạm khoản 2, khoản 6 thông tư 91/2015 ngày 31 tháng 12 năm 2015 của bộ GTVT. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến vụ tai nạn giao thông.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ như: Sơ đồ hiện trường tai nạn giao thông; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám nghiệm phương tiện; Kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai người làm chứng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được việc vi phạm các quy định về an toàn giao thông đường bộ nhưng do cầu thả bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Từ những nhận định trên đây – HĐXX thấy đã có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông khi tham gia giao thông của bị cáo Trần Văn D dẫn đến việc ông C tử vong đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại khoản 1 Điều 260 BLHS.

Việc VKSND huyện Trục Ninh truy tố bị cáo về hành vi “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 260 BLHS tại

bản Cáo trạng số 62/ CT-VKS-KSĐT ngày 13 tháng 11 năm 2019, là có căn cứ, đúng pháp luật .

Vì vậy, để đảm bảo trật tự pháp luật, giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm, việc áp dụng biện pháp pháp lý hình sự đối với bị cáo là điều cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc tới các tình tiết: Bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường; Bị hại cũng một phần có lỗi, người đại diện của bị hại có đề nghị miễn TNHS cho bị cáo; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân ngũ, gia đình khó khăn (Hộ cận nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương) - để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để vừa thể hiện các nguyên tắc nhân đạo, công bằng của chính sách hình sự của Nhà nước vừa đảm bảo tác dụng giáo dục bị cải tạo bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng - Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS - HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần tuyên một mức hình phạt để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 90.000.000đ. Đại diện gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền trên. Người đại diện của người bị hại không có yêu cầu về dân sự nào khác nên không xem xét.

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc Xe Mô tô BKS 18R1 - 7746 sau khi khám nghiệm Cơ quan CSĐT - Công an huyện Trục Ninh đã trả lại cho Trần Văn D. Xét thấy việc xử lý vật chứng của CQCSĐT là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: HĐXX thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 09 (**Chín**) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. (Ngày 25 tháng 11 năm 2019).

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo chuyển nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí Hình sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn D phải nộp 200.000 đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc hoặc được tổng đạt Bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật .

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định + huyện Trực Ninh;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã H, huyện H;
- Bị cáo, Đại diện bị hại;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà